

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2019/ HS-ST
Ngày: 26/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Trung;
2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2019/TLST- HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/HSST- QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019; đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn Nh, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: tổ 02, khóm Q, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; con ông Đoàn Văn M, sinh năm 1963 và bà Võ Ngọc H, sinh năm 1968; vợ là bà Trần Thị Thúy M; có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào và không có án tích.

Bị cáo tại ngoại; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Trần Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: tổ 07, khóm L, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: chạy xe Honda chở khách; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; con ông Trần Văn Th, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị D (đã chết); vợ là bà Nguyễn Thanh Th; có 03 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị hại:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1975; địa chỉ cư trú: tổ 07, khóm L, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

2. Đoàn Văn Nh, sinh năm: 1988; địa chỉ cư trú: tổ 02, khóm Q, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1. Trần Thị D;

2. Trần Thị Thúy M;

3. Dương Thị L.

Bị cáo, bị hại và người làm chứng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 26/10/2018, Trần Văn T điều khiển xe mô tô, biển số 67G1 - 183.06 tìm Đoàn Văn Nh đòi tiền cho vay và xảy ra cự cãi. T điện thoại cho Nguyễn Văn Đ, Trần Thị D (anh rể và chị ruột của T) biết. Đ đến cự cãi, cầm gậy 3 khúc bằng kim loại để đánh nhau, Nh dùng đoạn cây tre một đầu có đóng Nhều đinh sắt, đánh trúng mạn sườn, cánh tay, khuỷu tay trái của Đ, gây thương tích. Cùng lúc, T lấy cây cưa (dài 60cm) chém trúng vùng đầu, vai phải, đùi trái của Nh gây thương tích, được mọi người can ngăn, đưa Đ và Nh đi cấp cứu, điều trị.

Kết luận giám định pháp y số 263, 264/18/TgT ngày 31/11/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang, ghi nhận:

- Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975, ngụ tổ 7, khóm L, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang; dấu hiệu chính qua giám định: Nhều vết sẹo ở vùng ngực và sẹo ở cánh tay trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 7%.

- Đoàn Văn Nh, sinh năm 1988, ngụ tổ 02, khóm Q, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang; dấu hiệu chính qua giám định: sẹo đỉnh trái, kích thước (04 x 0.3) cm; sẹo vai mặt sau 1/3 trên cánh tay phải, kích thước (1.5 x 0.8) cm, sẹo mặt sau 1/3 dưới đùi trái, kích thước (12 x 0.5) cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 11%.

Cáo trạng số 30/CT-VKS-CD ngày 07/5/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố:

- Bị cáo Đoàn Văn Nh về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự).

- Bị cáo Trần Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị hại ông Nguyễn Văn Đ cho biết, sự việc bị cáo Nh gây thương tích cho ông có một phần lỗi do ông đã có hành vi dùng gậy ba khúc đánh bị cáo Nh trước nhưng không trúng. Sau đó, thì bị cáo Nh đã dùng cây tre, một đầu có đóng Nhều cây đinh sắt đánh lại và đã gây thương tích cho ông. Hiện tại, sức khỏe ông đã bình phục, bị cáo Nh đã có lời xin lỗi nên ông tự nguyện rút lại đơn yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo Nh và không yêu cầu bị cáo Nh bồi thường thêm thiệt hại nào khác. Ông cam kết việc rút lại đơn yêu cầu khởi tố vụ án là hoàn toàn tự nguyện.

Bị cáo Nh khai nhận, sự việc xảy ra là do bị cáo trước đó có nợ tiền vay của bị cáo T và bị cáo T có gọi điện cho ông Đ đến nói chuyện với bị cáo và do ông Đ dùng gậy ba khúc đánh bị cáo trước nên bị cáo mới nhặt cây tre gần đó đánh trả và đã gây thương tích cho ông Đ.

Về thương tích do bị cáo T gây ra, bị hại Nh xác định đã nhận tiền bồi thường chi phí nằm viện điều trị từ bị cáo T. Tại phiên tòa, bị hại Nh yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm thiệt hại là khoản thu nhập trong thời gian nằm viện điều trị, cụ thể là 2.000.000 đồng. Trong phần tranh luận, bị hại Nh có yêu cầu rút lại đơn xử lý hình sự đối với bị cáo T.

Bị cáo T khai nhận, do Nh có nợ tiền bị cáo và hứa trả Nhều lần nhưng không thực hiện và có lời lẽ khiêu khích nên bị cáo mới gọi điện cho ông Đ là anh rể của bị cáo đến gặp Nh để nói chuyện việc tiền bạc còn nợ. Nhưng sau đó thì thấy Nh dùng cây tre, một đầu có đinh sắt đánh ông Đ gây thương tích nên bị cáo mới dùng cây cưa gây thương tích cho Nh như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo T đồng ý bồi thường thêm số tiền 2.000.000 đồng như Nh yêu cầu. Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hiện tại là lao động chính, vợ bị cáo mới sinh con còn trong tháng.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng cũng như vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu, nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có cơ sở xác định, các bị cáo đã có hành vi dùng cây tre có đóng Nhều đinh sắt và cây cưa loại cưa gỗ là loại hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích nên Cáo trạng số 30/CT-VKS-CD ngày 07/5/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo mang tính nguy hiểm cao cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Vì vậy, cần có hình phạt tương

xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại Đ đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo Nh. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nh.

Riêng đối với bị cáo T, tuy tại phiên tòa bị hại Nh rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo nhưng hành vi của bị cáo cấu thành tội cố ý gây thương tích thuộc khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, không thuộc trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại nên đề nghị xử lý trách Nhiệm hình sự đối với bị cáo T theo luật định.

Trong quá trình lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với bị cáo T về sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách Nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Xét về nhân thân, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, không biết chữ nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; bị hại có yêu cầu không xử lý hình sự đối với bị cáo và sự việc xảy ra cũng có một phần lỗi của bị hại.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo luật định.

Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã thu giữ do không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường thêm thiệt hại mất thu nhập trong thời gian điều trị cho bị hại Nh, số tiền 2.000.000 đồng như bị hại Nh yêu cầu và bị cáo T đồng ý bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa với với các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa cùng lời khai của người làm chứng, vật chứng vụ án cũng như những tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ, có căn cứ xác định:

Khoảng 16 giờ ngày 26/10/2018, giữa các bị cáo có xảy ra cự cãi L quan đến việc bị cáo Nh nợ tiền vay của bị cáo T. Từ đó, đã dẫn đến việc bị cáo Nh đã dùng khúc tre, một đầu có Nhều đinh sắt đánh gây thương tích cho bị hại Đ, với tỷ lệ thương tật được xác định là 7% và bị cáo T đã sử dụng cây cưa (loại cưa gỗ, dài 60cm) gây thương tích cho bị hại Nh, với tỷ lệ thương tật được xác định là 11%.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác. Đồng thời, công cụ mà các bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại là khúc tre, một đầu có nhiều đinh sắt và cây cưa loại dùng cưa gỗ - đây là loại hung khí nguy hiểm được pháp luật ghi nhận.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo Đoàn Văn Nh về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và truy tố đối với bị cáo Trần Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, bị hại Đ đã tự nguyện rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo Nh, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nh như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T:

Bị cáo không có T tiết tăng nặng.

Xem xét tình tiết giảm nhẹ, nhận thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tại phiên tòa, bị hại có ý kiến rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo và sự việc xảy ra có một phần lỗi của bị hại. Đây là các T tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét trong khi lượng hình đối với bị cáo.

Ngoài việc thể hiện sự thành khẩn khai ra hành vi đã thực hiện và thái độ hối cải sau sự việc xảy ra, bị cáo không có sự chủ động, tích cực trong việc cung cấp thêm các nguồn chứng cứ khác có giá trị chứng minh hành vi phạm tội đã thực hiện nên không có căn cứ xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá*

trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Xem xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc cho bị cáo T được hưởng án treo, nhận thấy bị cáo có lý lịch rõ ràng, chỗ ở và việc làm tương đối ổn định (chạy xe Honda chở khách), phạm tội có một phần nguyên nhân xuất phát từ việc thấy anh rể - ông Đ bị Nh đánh gây thương tích.

Xét về hoàn cảnh gia đình, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, bản thân bị cáo hiện có vợ và 03 con, trong đó có một cháu mới sinh còn trong tháng, bị cáo là lao động chính. Từ khi sự việc xảy ra (26/10/2018) đến nay, trong thời gian được tại ngoại, bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo như ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát cũng như lời trình bày xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo trong lời nói sau cùng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhưng cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Nh số tiền 2.000.000 đồng – thu thập bị mất trong thời gian ông Nh nằm viện điều trị thương tích.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại và 01 cây tre, một đầu được đóng 18 cây đinh sắt 08 phân do không còn giá trị sử dụng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Đình chỉ vụ án đối với bị cáo Đoàn Văn Nh.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Trần Văn T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T: 02 năm 6 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án (26/6/2019).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (bị cáo Trần Văn T) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người

được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cây gậy vũ ba khúc bằng kim loại màu trắng dài 64cm, đường kính nơi lớn nhất là 2,5cm, nơi nhỏ nhất là 1,5cm, cán được bao bọc bằng nhựa màu đen dài 23,5cm (đã qua sử dụng);

- 01 (một) cây tre dài 111cm, đường kính dài 5cm, một đầu được đóng 18 cây đinh sắt 08 phân trở qua thân.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136, 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Đã giải thích chế định án treo).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tâm